

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Giang
- Ông Bùi Văn Lãm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hà Thị P - Sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã M, huyện Như Thanh - Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Long Thọ, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2022, bản tự khai ngày 18/10/2022, đơn xin xét xử vắng mặt và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Đỗ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã M, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên

không thể hòa hợp; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không biết chia sẻ, tranh cãi và xúc phạm nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay chị P và anh T sống ly thân và không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau.

Nay xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung, chị P trình bày: Chị và anh T có 01 con chung là: Đỗ Hà Anh V, sinh ngày 17/6/2014. Hiện nay cháu V đang ở với anh T và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Ly hôn, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Hà Anh V. Do công việc không ổn định, thu nhập thấp chỉ đủ trang trải sinh hoạt tối thiểu của cá nhân nên chị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản và công nợ: Chị Hà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hà Thị P còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết; bản sao chứng thực giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu của vợ chồng; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải trước khi thụ lý vụ án; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/9/2022. Sau khi thụ lý vụ án, chị P nộp thêm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của bị đơn Đỗ Văn T:*

Tại bản tự khai ngày 04/10/2022 anh T công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị P đã trình bày. Nay chị P làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Hà Thị P.

Về con chung, anh T công nhận, anh và chị P có 01 con chung là: Đỗ Hà Anh V, sinh ngày 17/6/2014. Ly hôn, anh T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Hà Anh V và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kèm theo bản tự khai, anh T đã nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của con chưa thành niên:* Tại đơn đề nghị ngày 18/10/2022, cháu Đỗ Hà Anh V trình bày nguyện vọng: Nếu chị P và anh T ly hôn thì cháu xin được ở với anh T.

** Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2023, bà Quách Thị T là mẹ của anh Đỗ Văn T trình bày:* Tình trạng hôn nhân và quá trình nuôi con chung đúng như chị P và anh T đã trình bày. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị P về việc ly hôn, nuôi con chung. Theo đó, đề nghị xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Đỗ Văn T; giao cháu Đỗ Hà Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Về án phí, chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, nuôi con chung; Nguyên đơn và bị đơn có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị P và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện Như Thanh tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị P và anh Đỗ Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa 04/01/2013. Vì vậy, hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 8; 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên không thể hòa hợp; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay chị P và anh T đã sống ly thân được một thời gian, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P và anh T đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Hà Thị P và anh Đỗ Văn T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị P và anh T về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Anh chị đều đề nghị giao cháu Đỗ Hà Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Nguyên

vọng của chị P và anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Hà Anh V, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản và công nợ*: Chị Hà Thị P và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Hà Thị P là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Hà Thị P và anh Đỗ Văn T; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho Hà Thị P được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi con chung của anh chị là cháu Đỗ Hà Anh V, sinh ngày 17/6/2014; chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị P phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2021/0003887, ngày 30/9/2022. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- UBND xã M, H. Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy